

PHẨM 6: THÀNH LẬP KHÔNG

Như vậy, đã thành lập tướng khổ. Thế nào là thành lập tướng không? Nên biết tướng không có ba thứ:

1. Tự tướng.
2. Tướng sâu xa.
3. Tướng Sai khác.

Thế nào là tự tướng?

Tụng rằng:

*Nếu ở đây không có,
Và tất cả còn lại,
Tùy hai thứ đạo lý,
Nói tướng không, chẳng hai.*

Luận chép: Tự tướng không là chẳng phải nhất định có mà cũng chẳng phải không nhất định có, nghĩa là trong các hành, tự tính của chúng sinh và tự tính của pháp là hoàn toàn không có gì hết.

- Chẳng phải nhất định không, nghĩa là trong ấy, cái vô ngã của chúng sinh và cái vô ngã của pháp thì có thật tính.

- Tùy thuộc vào hai nguyên tắc, nghĩa là trong ấy không có nguyên tắc cho hai thứ ngã mà có nguyên tắc cho hai thứ vô ngã. Bởi thuận theo hai nguyên tắc ấy, nên nói tính chất của không là chẳng có hai tướng. Hai tướng là: 1. Chẳng có tướng vì hai ngã là không; 2. Chẳng phải không có tướng vì hai vô ngã là có. Vì sao? Vì hai ngã này không có tức là có vô ngã. Hai vô ngã này có tức là hai ngã là không. Cho nên tính của không, chẳng nhất định là có tướng, chẳng phải nhất định không có tướng.

- Thế nào là tướng sâu xa?

Tụng rằng:

*Tướng rất sâu, nên biết:
Thủ, xả không thêm bớt.*

Luận chép: Theo nguyên tắc không hai, như trước đã nói, nên dù xả các pháp mà không làm chúng giảm bớt. Dù có gom chúng về, nhưng vẫn không làm chúng tăng thêm. Không lấy, không buông, không thêm, không bớt, đó là tướng rất sâu của không. Thế nào là sự khác nhau?

Tụng rằng:

*Có nhiều thứ khác nhau,
Như từng nói trong kinh.*

Luận chép: Đối với tính không này, Đức Bạc-già-phạm, trong

kinh chỗ nào cũng, đều chỉ bày sáng tỏ, nó có nhiều thứ khác nhau, như Thắng nghĩa không, nội không, ngoại không, như thế, v.v... Nay phân biệt ra là:

- Thắng nghĩa không, do nghĩa vượt hơn hết các nghĩa nên không còn cái gì hơn nữa, không có cái gì cả, nên gọi là thắng nghĩa không.

Đây là làm sáng tỏ bốn thứ nghĩa, bốn thứ nghĩa gồm:

1. Nghĩa của nhân lia chấp ngã.
2. Nghĩa của lia tướng ngã.
3. Nghĩa của xa lia vô nhân.
4. Nghĩa xa lia, không phải do nghiệp của mình mà chứng đắc.

- Khi sáu xứ phát sinh thì không do ngã mà ra, sự tu tập cũng không phải nhóm họp nương vào ngã thì gọi đó là nghĩa của nhân xa lia ngã.

- Nếu lấy ngã làm nhân để chấp vào sáu xứ thì lẽ ra không phân biệt chỗ khác nhau trong năm đường. Lại nữa, sáu xứ vốn không, nay có, có rồi lại tan diệt, nên lia tướng ngã. Do tướng như vậy nên chẳng phải ngã có. Lại do nghiệp hữu lậu làm nhân cho Dị thực sinh khởi, cũng đều không có tác giả, cũng không có các uẩn mà hữu tình buông xả [phủ nhận] hay nối tiếp kế thừa. Cũng thế, gọi là nghĩa của sự xa lia vô nhân.

- Lại nữa do từ một phần pháp có được giả lập mà hữu tình nối tiếp nhau trôi lăn cho đến hiện tại, trên pháp Dị thực, chứ không phải sự nối tiếp khác, gọi là nghĩa tách lia quả hiện tại không phải do nghiệp của mình.

Lại nữa, thế nào là không có Bồ-đặc-già-la, nên biết? Vì nếu có ngã thì nó trụ ở tướng uẩn, hay trụ trong uẩn? Hay trụ nơi khác, là không phải tướng uẩn?

Tụng rằng:

*Chỉ giả lập sai lầm,
Vì lỗi, uẩn vô ngã,
Vì lỗi, ngã vô thân,
Ba ngã không đúng lý.*

Luận chếp: Nếu chấp có ngã thì tức là tướng uẩn lẽ ra chỉ là giả trái. Tông của ông [lập luận] thành lỗi. Vì ngã được giả lập trên các uẩn, nếu lia các uẩn mà trụ ở chỗ khác thì lẽ ra không có uẩn. Đây cũng phạm lỗi, vì không có ngã trong các uẩn.

- Nếu không phải tướng uẩn thì ngã mà ông chấp ấy có lỗi là nó không có thân. Ngã mà không có thân là không đúng lý, cho nên cả ba

thứ đều không hợp lý. Lại nữa, nếu chấp có thật ngã trụ trong các uẩn thì cũng không đúng. Vì sao?

Tụng rằng:

*Như chủ, lửa, sáng, không,
Hình khác lỗi nương đất.
Vô thường, không nghiệp dụng.
Chẳng nhân, chẳng có ngã.*

Luận chếp: Chấp có ngã thật, nó trụ trong các uẩn là như chủ ở trong nhà, như lửa ở trong củi, như ánh sáng nương vào đèn, như hư không làm chỗ ở cho các vật, cũng thế ấy, tất cả đều không hợp lý. Vì sao? Vì có năm lỗi, năm lỗi là:

1. Nếu như ông chủ ở trong nhà thì hình thù ông phải khác, vì hình chủ nhà và ngôi nhà khác nhau.

2. Nếu lửa ở trong củi thì mắc lỗi là phải nương vào khác, vì dựa vào sức của củi, nên lửa không còn tự tại.

3. Nếu ánh sáng nương vào đèn thì có lỗi vô thường vì phải lệ thuộc vào yếu tố có đèn hay không đèn mà ánh sáng tỏ lên hay tắt mất. Hơn nữa, hai thí dụ trước cũng có lỗi vô thường, vì không thấy chủ nhà có thường trụ, bởi dù là ở lâu trong nhà, nhưng ông ta có khi đến nơi khác, hay đã chết. Lửa nhờ sức củi có hay không, chẳng nhất định, mà bất nhiễm định có tánh vô thường.

4. Nếu ngã như hư không thì lẽ ra phải có nghiệp dụng rõ ràng, mà như vậy là phạm lỗi, vì nghiệp dụng của hư không rõ ràng có thể thấy được, nghĩa là nghiệp của quá khứ vị lai không chướng ngại, trong khi đó, ngã thì không phải như vậy, cho nên thành lỗi.

5. Lại, ngã mà ông chấp, làm nhân cho quả là không thật có, vì sao? Vì các hạt giống của vật bên ngoài, vô ngã mà làm nhân cho quả cũng có thể nắm bắt được. Thế nên chấp cho là ngã trụ trong uẩn, làm nhân cho quả là điều không đúng lý. Cũng không có yếu tố nào để chấp có thể tính của ngã thật.

Hỏi: Nếu chỉ có uẩn, không có ngã riêng thì ai thấy, nghe? Cho đến ai là người phân biệt rõ ràng.

Đáp: Nếu thấy, nghe là thể của ngã hay là nghiệp của ngã, hay công cụ của ngã. Từ đó, chấp cho rằng ngã là sự thấy, nghe, đều không đúng lý. Vì sao?

Tụng rằng:

*Ngã chỉ nêu là giả,
Không thể thí dụ được.*

*Bây dụ vọng phân biệt,
Không thấy, ba tác dụng.*

Luận chếp: Nếu ông chấp ngã tức là cái thấy, lại gọi là người thấy cho đến biết phân biệt rạch ròi thì cái ngã mà ông chấp, chỉ là giả danh, vì nó được giả lập trên sự nghe thấy. Nếu chấp cái thấy, v.v... là nghiệp, là công cụ của ngã thì điều này cũng không đúng. Không dùng thí dụ so sánh được, dù có bảy thí dụ do vọng phân biệt đặt ra, nhưng trong ấy có nhiều lỗi. Thế nên, cả ba thứ đều không đúng lý. Thế nào là nhiều lỗi? Tụng rằng:

*Nếu hạt giống vô thường,
Tác giả duy giả lập,
Như thành tựu thần thông,
Nên tự tại thế gian.*

Luận chếp: Nếu ông chấp ngã đối với nghiệp thấy, nghe, v.v... như hạt giống nảy mầm thì lẽ ra ngã là vô thường, vì hạt giống chẳng phải thường. Nếu ông chấp ngã đối với nghiệp thấy, nghe, v.v... thì như người thợ gốm đối với đồ gốm thì ngã phải là giả, vì sao? Vì người đời chỉ thấy trước mắt có ai đó đã tạo ra đồ dùng, nhưng họ không thấy cái gì khác.

- Nếu ông chấp ngã đối với nghiệp thấy nghe thì giống như người có thần thông ở thế gian, y làm chuyện biến hóa thì cũng phạm lỗi như người thế tục kia giả lập, và tự tại. Vì sao? Vì lìa cái giả thì thần thông chẳng thể thấy.

- Lại nữa, thấy người có thần thông trước mắt, y tùy ý biến hóa, trong khi đó, ngã là thấy, v.v... không nhờ duyên nào khác, thì nó lẽ ra được tự tại. Lại nữa, bài Tụng rằng:

*Ngã như đất, Hư không,
Vô thường vô tự tính.
Nên như hai không tác,
Nghiệp rõ có thể được.*

Luận chếp: Nếu ông chấp ngã đối với nghiệp thấy, v.v... thì như đất bao la có năng lực giữ gìn muôn vật, thì ngã phải vô thường, vì đất vô thường.

- Nếu như hư không, chẳng chướng ngại nên nó dung nạp các nghiệp đã gây ra thì ngã cũng như vậy, dung nạp nghiệp thấy v.v... và rồi ngã lẽ ra không có tự thể vì hư không kia chỉ có sắc, không có tự thể nên là hư không.

- Lại như đất bao la kia đã nhờ hư không giữ gìn không để cho lay động, ngã cũng vậy, đối với cái thấy kia, v.v... nó cũng phải không nên

làm lay động, bằng tác dụng, đã không có tác dụng mà chấp là thấy, v.v... là điều không đúng lý.

- Hơn nữa, đất bao la và hư không, chúng duy trì bởi hai thứ công năng không chướng ngại rõ ràng có thể được. Còn ngã đối với nghiệp gây ra, như thấy, v.v... thì không có chỗ khác nhau để có thể được, cho nên không đúng lý. Lại nữa, nếu chấp thấy là công cụ của ngã thì cũng không đúng. Vì sao?

Tụng rằng:

*Năng đốt và năng đứt,
Chỉ do lửa làm nên,
Ngã với công cụ thấy,
Không như dao, lửa thấy.*

Luận chếp: Nếu chấp ngã mà ông chấp vào công cụ của thấy, công năng thấy, khả năng nghe, cho đến phân biệt, như người ta cho rằng lửa có khả năng đốt, dao có khả năng cắt, thì không đúng lý. Vì sao? Vì người đời thấy trước mắt là lửa người cầm, lửa vẫn có thể đốt cháy, dao vẫn có thể cắt đứt. Cái thấy cũng phải vậy, dù không có ngã, nó cũng phải tự có thấy, v.v... tác dụng thấy, v.v... Nhưng bởi ông không thừa nhận, nên ở đây chẳng thí dụ.

Lại nữa, các uẩn ở thế gian đều nhóm họp do giả tưởng, rồi lập nên ý niệm ta, người, chúng sinh như người cầm liềm hái cắt không từ món nào. Đối với ngã thật thì không thí dụ. Lại nữa.

Tụng rằng:

*Như sáng có dụng chiếu,
Ngoài sáng, không thể khác,
Nên dù trong hay ngoài,
Nghĩa không, vô ngã thành.*

Luận chếp: Điều mà người đời nhìn thấy là dụng chiếu sáng của quang thể gọi là chiếu sáng. Là quang thể thì không còn sự chiếu sáng nào khác, nghĩa là như mắt có tác dụng là thấy thì nói là thấy, cho đến sự phân biệt rõ thì không ai nhìn thấy cái phân biệt ấy. Cho nên các pháp dù trong hay ngoài đều không có ngã.

Hỏi: Nếu quả thật không có ngã thì vì sao thế gian này có nhiễm, có tịnh?

Đáp: Các pháp nhiễm tịnh đều sinh từ nhân duyên, chứ không do ngã thật. Vì sao?

Tụng rằng:

Như vật ngoài thế gian,

*Lìa ngã có thêm, bớt,
Trong dù không ngã thật ?
Những thành nghĩa nhiễm, tịnh.*

Luận chép: Như vật bên ngoài, ở trên đời này, dù không có ngã trong ấy, nhưng các sự nghiệp vẫn thành tựu theo lúc mà tăng lên, dù gặp biết bao tai nạn ngang trái. Như vậy, pháp bên trong, dù không có ngã nhưng chúng vẫn do nhiều nghĩa nhiễm tịnh mà thành, cho nên không có lỗi. Lại nữa, nếu vô ngã thì ai chịu quả báo? Ai là chủ thể tạo nghiệp? Ai là kẻ thoát khỏi các khổ?

Tụng rằng:

*Vị ngã, phần phiền não,
Vô thường thay đổi khác,
Ngã thường, không đổi dời,
Không thọ, tạo, giải thoát.*

Luận chép: Ngã mà ông chấp với vị suy nghĩ thiện, ác đối với khổ, vui. Tâm lý phiền não tham, thường là không đổi khác trong các lúc. Vì không chuyển thay đổi khác mà lại có kẻ cảm thọ, tác giả, giải thoát, đều là không hợp lý.

Như trước đã nói: Dù không có ngã thật, nhưng thế tục vẫn có giả lập thành ba thời gian thay đổi khác nhau. Kẻ thọ quả, tác giả, và giải thoát, dù lúc có khác nhau, nhưng vẫn được thành tựu. Lại nữa, nếu không có ngã thì ai chuyển, ai trở lại?

Tụng rằng:

*Pháp tánh từ duyên sinh,
Xoay vần hiện nối nhau,
Có nhân mà không trụ,
Đổi khác, gọi là chuyển.
Như thân, mạnh sông, đèn,
Có các thứ tác dụng,
Ngã thường, không đổi dị.
Chuyển lại, không đúng lí.*

Luận chép: Do không có ngã nên mới có chuyển biến và trở lại. Vì sao? Vì trước mắt thấy biến chuyển thì sẽ có tướng sinh. Nó, trước sau lần lượt nối nhau mà hiện bày trước mắt một cách sáng tỏ có thể thấy.

- Có nhân nhưng không trụ và lại đổi khác, nên gọi là trôi lăn, nối nhau, đứt bật, thì gọi là hoàn diệt, như sông, mạnh, sông, đèn có tới, lui, v.v... và các thứ tác dụng và có hoàn diệt. Chẳng phải ngã mà ông chấp

cho là thường, không thay đổi mới có ra công dụng trôi lăn. Trôi lăn còn không có, huống chi là hoàn diệt.

- Lại nữa, nếu chỉ có hành uẩn mà không có ngã thì thế gian thấy các hữu tình kia, lẽ ra không có các tên các tướng khác nhau?

Tụng rằng:

*Dựa ngã khởi tên, tướng.
Kiến hai thứ sai lầm,
Cho nên khắp tất cả,
Tính thật ngã đều không.*

Luận chép: Thật ngã được thành lập không do tên và tướng. Vì sao? Vì mắc hai lỗi:

- Nếu người đời đứng trên thật ngã mà sinh ý niệm Phật cứu độ và biết các thứ tên gọi, tướng nghĩ khác thì bản thân và pháp giải thoát kia lẽ ra là không có.

- Nếu từ thân, v.v... sinh ý niệm về tên gọi, nghĩ tướng thì không nên cho đó là tác dụng của ngã. Vì sao? Vì thế gian trước mắt thấy cái gì, thì nói năng phát ra thế ấy, là làm bạn với Phật để có thể thấy Phật, làm bạn với người có đức để nghe lời hay, v.v... Lại nữa, có hai lỗi kiến chấp là: Nếu bảo thể tính ngã kiến, là thiện thì ngay đây, nó sinh pháp nhiệm ô, thì cũng không đúng lý.

- Lại nữa, chấp ngã thì khi chấp lấy ngã, người chấp là chủ thể chấp hay ngã kiến là năng chấp? Nếu bảo ngã chấp chính là ngã thì người chấp ngã trong đời này không nên sinh khởi nghi ngờ, cho rằng hữu vi, vô vi là những thứ gì. Vì sao? Vì hiện tại thấy có ngã. Nếu nói là do ngã kiến chấp lấy ngã thì nay, ông không nên cho rằng ngã là năng chấp. Do mắc các lỗi như thế, cho nên kết luận rằng ở thế gian này không có ngã chân thật.

Lại nữa, nếu vậy thì vì sao trong chánh pháp lập ra danh, tướng các thứ khác nhau?

Tụng rằng:

*Do muốn nói cho dễ,
Do xuôi theo người đời,
Do dứt trừ sợ hãi,
Hiển bày đức và lỗi.*

Luận chép: Dù không có thật ngã nhưng vẫn lập danh, tướng hữu tình khác nhau cho hữu tình có bốn nguyên nhân:

1. Vì giúp cho nói năng được dễ dàng.
2. Vì xuôi theo thế gian.

3. Vì giúp cho kẻ mới học xa lìa sợ hãi.

4. Do làm sáng tỏ chỗ sai lầm khác nhau về công đức của mình và người v.v...

- Lại nữa, nếu không có ngã thì thế gian không nên vừa thấy hình tướng thì bỗng nhiên sinh tri giác hữu tình, và cũng không nên nghĩ có tri giác rồi mới sinh tác nghiệp.

Tụng rằng:

*Bỗng nhiên biết khởi loạn,
Thế gian hiện nắm được,
Giác là trước tác nghiệp,
Có mười thứ lỗi lầm.*

Luận chép: Bỗng nhiên sinh tri giác thì cũng không chứng minh được cái ấy bởi ngã làm nhân. Vì sao? Do rối loạn mà tâm tri giác bỗng nhiên khởi lên những gì ngay đây có thể nắm bắt được, như thân nữ sinh tri giác là nam hay đang là thân nam bỗng có cảm giác mình là nữ. Kẻ ác khởi lên cảm giác người thường, người thường khởi lên cảm giác kẻ ác.

- Lại nữa, chấp ngã, ông cho có tri giác rồi mới sinh tác nghiệp, có mười lỗi, mười lỗi là:

Tụng rằng:

*Giác, công dụng nhân ngã,
Tự tại, thấy đều hai,
Có nhân và vô nhân,
Nên biết có mười lỗi.*

Luận chép: Nếu ông chấp giác là nhân sinh ra các tác nghiệp, như vậy là chẳng phải ngã có công năng sinh khởi các nghiệp. Nếu ngã là nhân thì suy nghĩ, tri giác chẳng phải nhân, mà như vậy, thì đâu phải suy nghĩ, tri giác rồi mới sinh các tác nghiệp. Lại nữa, nếu chấp ngã, ông cho ngã làm nhân có khả năng sinh khởi tác nghiệp, thì lẽ ra nó phải thường khởi tất cả tác nghiệp. Còn nếu ngã chẳng phải nhân thì nó không có chỗ tạo tác. Lại nữa, nếu ông chấp có nhân pháp khác, đó có khả năng làm nhân làm sinh các tác nghiệp. Như vậy, ngã mà ông chấp là không có tạo tác gì cả. Nếu không có nhân mà lại thường khởi tất cả tác nghiệp, và nếu ông chấp, cho là do công dụng nội tại có thể tạo tác thì đây, cũng như trước, có hai lỗi.

Lại nếu chấp mà ông cho ngã là tự tại đối với tác nghiệp, thì nó phải làm mãi những gì nó yêu mến và không làm những gì mà nó không yêu mến. Nếu không có tự tại thì chẳng có tướng ngã. Như vậy, đã nói

tướng không và thành lập tướng ấy rồi, nay sẽ chỉ bày sáng tỏ quán không chân trí để nhằm đối trị với sự khác nhau của Tác-ca-da kiến (thân kiến).

Tụng rằng:

*Không xét quyết biến hành,
Tăng trưởng và vô sự,
Đối việc, sợ vọng kiến,
Năm thí dụ, nên biết.*

Luận chép: Nên biết Tác-ca-da-kiến có năm thứ:

1. Không quán xét chính chắn cái thấy, như nhìn sợi dây thấy là con rắn.
2. Biến hành kiến là do ý tưởng ô nhiễm tương ứng với sai lầm chấp thân kiến chấp ấy đeo đuổi mãi bất cứ lúc nào, như thấy ăn xài trong giấc chiêm bao. Vì sao? Như người nghèo mà trong chiêm bao thấy mình đang thọ hưởng đời sống đáng yêu.
Cũng thế, người ngu, chưa hề có hiểu biết chân như chánh giác nên thường sinh ngã kiến sai lầm, cứ đuổi theo mãi.
3. Tăng thêm ích lợi do những chấp, như hy vọng đuổi theo con gái người ta.
4. Chấp vào những việc không thật có, như trẻ thơ thấy các việc huyền hóa.
5. Chấp vào những việc lo sợ, như kẻ run sợ tượng quỷ Dược-xoa do chính mình vẽ.

Đã nói những cái phải đối trị khác nhau như vậy. Nay, chỉ bày sáng tỏ về những khác nhau của chủ thể đối trị.

Tụng rằng:

*Vô thể và xa lìa,
Xả bỏ ba thứ nương,
Đối trị các tướng buộc,
Mười sáu thứ khác nhau.*

Luận chép: Nương vào tự thể của ba thứ như biến kế chấp, v.v... theo đúng thứ lớp của ba tự thể ấy để thành lập ba thứ không là:

1. Vô thể không.
2. Viễn ly không.
3. Trừ khiển không.

Lại nữa, ba thứ không này, đối trị các trói buộc về nhận thức, có mười sáu thứ. Các trói buộc có mười bốn thứ trói buộc thô trọng nên biết, là:

1. Sự trói buộc của các căn.
2. Hữu tình trói buộc ô nhiễm lẫn nhau.
3. Sự trói buộc nghĩa nương, là nương vào khí thế gian mà các căn lưu chuyển.
4. Sự trói buộc do hiểu biết và không hiểu biết.
5. Sự trói buộc của cảnh, vọng cảnh.
6. Sự trói buộc của sự yêu mến thân sau.
7. Sự trói buộc của không có yêu mến.
8. Sự trói buộc của vô nhân, nhân không bình đẳng.
9. Sự trói buộc của được lòng kiêu ngạo.
10. Sự trói buộc của chấp tự thể của biến kế sở chấp.
11. Sự trói buộc của chấp tự thể các pháp.
12. Sự trói buộc của chấp tự thể của các pháp biến trí.
13. Sự trói buộc của chấp tự thể của Bồ-đặc-già-la.
14. Sự trói buộc của chấp biến trí Bồ-đặc-già-la.

- Các tướng là sáu tướng trói buộc. Do nhầm chán tướng này, nên Bồ-tát nương vào không mà siêng năng tu niệm trụ khiến tâm giải thoát. Thế nào gọi là sáu thứ tướng trói buộc? Nghĩa là nương vào thân, thọ, tâm, pháp, phát khởi nhận thức bên trong, đó gọi là trói buộc nhận thức ban đầu.

- Nương vào thân, v.v... rồi phát khởi tướng bên ngoài, đó là sự trói buộc nhận thức thứ hai.

- Nương vào thân rồi phát sinh khởi tướng bên trong, bên ngoài, đó là sự trói buộc nhận thức thứ ba.

- Vì muốn độ thoát cho vô lượng vô số vô sắc hữu tình trong các thế giới mười phương mà phát sinh đại nguyện tu tập các niệm trụ. Nhận thức phân biệt này là thứ tư.

- Trong hoàn cảnh như thân, người có trí tuệ quán xét chân chính mà trụ, tướng phân biệt này gọi là thứ năm.

- Trong hoàn cảnh như thân, v.v... thấy có ta, người rồi trụ chánh quán. Nhận thức phân biệt này gọi là thứ sáu.

- Lại nữa, tướng sau sau như khi quán thân, v.v... mà thành có mười một thứ trói buộc nhận thức khác nhau, nên biết. Mười một thứ là: Từ thân này, phát sinh an trụ chánh quán theo với thân. Và, sinh ra phân biệt nhận thức về hai nhiễm tịnh và đệ nhất nghĩa, đó là sự trói buộc nhận thức ban đầu.

- Phát khởi nhận thức có tạo tác đối với nhiễm ô, đệ nhất nghĩa, đó là sự trói buộc nhận thức thứ hai.

- Phát khởi nhận thức không có tạo tác đối với thanh tịnh, đệ nhất nghĩa. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ ba.

- Phát khởi nhận thức trôi lăn đối với có tạo tác, đệ nhất nghĩa. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ tư.

- Phát khởi nhận thức là thường đối với không tạo tác, đệ nhất nghĩa. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ năm.

- Phát khởi nhận thức về tính chất khổ đối với trôi lăn do khổ của đối khác. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ sáu.

- Phát khởi nhận thức là không có thay đổi đối với thường pháp, đó là sự trói buộc nhận thức thứ bảy.

- Phát khởi nhận thức về sự tướng đối với trôi lăn vì tự tướng của sinh trụ dị diệt và do tự tướng có thay đổi. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ tám.

- Phát khởi nhận thức có thể thâm nhiếp tất cả pháp đối với có thay đổi, không có thay đổi, nhiễm ô, thanh tịnh, đệ nhất nghĩa. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ chín.

- Phát khởi nhận thức về cái của ta với nhiễm ô thanh tịnh đối tất cả pháp nhiễm tịnh. Đó là sự trói buộc nhận thức thứ mười.

- Phát khởi nhận thức về tự thể tự tướng đối với các pháp nhiễm ô thanh tịnh, đó là sự trói buộc nhận thức thứ mười một.

- Hình thành những trói buộc khác nhau của nhận thức cũng như cảnh giới của nó về tướng sau cùng của việc sau cùng như thế, nên Đại Bồ-tát đã chân chính quán sát rồi, liền nương vào không mà tu tập các niệm trụ để tâm được giải thoát. Nếu khi giải thoát được các vọng tướng trói buộc, thì nên biết là giải thoát tất cả trói buộc nhận thức.

- Mười sáu thứ không gồm: Nội không, Ngoại không, Đại không, Nội ngoại không, Không không, Thắng nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, rốt ráo không, Vô sở hậu không, Vô duyên tận không, Tánh không, Tướng không, tất cả pháp không, Vô tính không, Vô tính tự tính không. Lại nữa, đối với cảnh không này, có sáu thứ ngu đã trôi lăn từ vô thủy. Sáu thứ ngu đó là gì?

Tụng rằng:

*Tự tính và chấp trước,
Không mở hiểu, quên mất,
Tất cả khắp một phần,
Ngu trôi lăn khác nhau.*

Luận chép: Tự tính ngu si là tất cả hữu tình không có hiểu biết đã trôi lăn từ vô thủy.

- Ngu chấp trước tự thể, là ngoại đạo chấp điên đảo các việc nên cái ấy tương ứng phát khởi vô trí.

- Ngu vì không mở mang kiến thức: phàm phu không nghe pháp nên phát sinh vô trí.

- Ngu vì quên mất là phàm phu và bậc Thánh có nghe pháp, nhưng không phát sinh trí tuệ.

- Ngu khắp tất cả là phàm phu đối các sinh không, và pháp không đã sinh khởi vô trí.

- Một phần ngu là Thanh văn chỉ đối với pháp không, phát sinh vô trí. Thế nào là chứng được lý không như vậy? Là do tám thứ trí, là những gì?

Tụng rằng:

Pháp trụ, cầu tự tâm,

Trụ tự tâm, trừ buộc,

Sợ không hai nhiễm tịnh,

Chứng đắc lý chân không.

Luận chép:

1. Pháp trụ trí là trí an trụ vào Tổ-đất-lãm (kinh) mà an lập pháp m
2. Trí cầu tự tâm là trí tìm tự tâm trong thuận quyết trạch phần ôn.
3. Trí trú vào tự tâm là trí chứng chân như trong giai vị Kiến đạo.
4. Trí cắt trừ sự ràng buộc tâm là trí đối trị các chướng ngại ngăn

che trong giai vị Tu đạo.

5. Trí tương ứng với lo sợ là trí của đệ tử bậc Thánh. Họ lo sợ bị trôi lặn trong khổ não lớn.

6. Trí phân biệt không hai là trí Bồ-tát, không còn chia cắt bởi ý niệm sinh tử, Niết-bàn, lỗi, công đức.

7. Trí không khéo thanh tịnh là trí của hàng Hữu học, tám trí khéo thanh tịnh: là trí của hàng Vô học.

